TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** TỈNH TÂY NINH Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST Ngày 30 - 01 - 2026 V/v "Ly hôn"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Đổi
2. Ông Nguyễn Chí Lin

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 674/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1985 (vắng mặt)
CCCD: 080185009830. Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh.
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 (vắng mặt)
CCCD: 080076011861. Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2025 và những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án do nguyên đơn bà Trần Thị Kim N *trình bày như sau*:

Về tình trạng hôn nhân: bà và ông H trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 01 năm và tiến đến hôn nhân vào năm 2004. Cả hai người có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân gia đình tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 12/7/2004 (nay là UBND xã H, tỉnh Tây Ninh). Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vã. Từ tháng 01/2025 thì hai người đã ly thân đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay bà kiên quyết xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về nuôi con chung: Nguyễn Thái Học sinh năm 2004 (trưởng thành) và con chung Nguyễn Thành Đ sinh năm 2017. Khi ly hôn bà xin nuôi con không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Ngoài ra bà N không còn yêu cầu gì khác. Đồng thời bà xin xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H *trình bày:* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim N nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Ly hôn*" là những tranh chấp theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn ông Nguyễn Văn H có sinh sống tại địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về tư cách tố tụng, phạm vi giải quyết.

Bà Trần Thị Kim N khởi kiện được xác định là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn H được xác định là bị đơn. Tòa án chỉ xét xử trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Xét xử vắng mặt: bà Trần Thị Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà. Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

[1.4] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Trần Thị Kim N xác định có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn H và có con chung. Chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh.

Pháp luật được áp dụng: Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim N và ông H được xác lập trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu nhau được 01 năm, hai người có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Cuộc sống chung vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống do cả hai không quan tâm chăm sóc nhau, không có tiếng nói chung và ly thân từ tháng 01 năm 2025 cho đến nay, ông H cũng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc với bà N. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông H đã đến mức trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần tuyên bà N được ly hôn với ông H.

[2.2] Đối với con chung: bà N và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Thái Học sinh năm 2004 (trưởng thành) không đề cập xem xét khi ly hôn và con chung Nguyễn Thành Đ sinh năm 2017. Khi ly hôn bà N xin nuôi con không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con, ông H cũng không có tranh chấp nuôi con với bà N và cháu Đ có nguyện vọng chung sống với bà N nên cần để con cho bà N nuôi. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

[2.3] *Về tài sản*: bà N khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[2.4] *Về nợ chung*: bà N khai không có nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: bà Trần Thị Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung:* Bà N được nuôi con chung tên Nguyễn Thành Đ sinh năm 2017. Ông H không cấp dưỡng nuôi con vì bà N không yêu cầu. Ví quyền lợi của trẻ, ông H được quyền đến thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, bà N và các thành viên gia đình bà N không có quyền cản trở khi cần thiết bà N có quyền yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con.

3. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào Ngân sách nhà nước. Số tiền bà N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà N đã nộp theo biên lai số 0013717 ngày 01 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Như vậy bà N đã nộp xong.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm vụ án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND Khu vực 3 – Tây Ninh;
-UBND xã Hòa Khánh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
-Lưu.